

A.Nhiên
**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1954* /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày *25* tháng *6* năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở công nhân và dân cư tại xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1440/TTr-SXD ngày 10/4/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở công nhân và dân cư tại xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom với nội dung chính như sau:

1. Vị trí, quy mô lập quy hoạch

a) Vị trí: Khu vực quy hoạch chi tiết xây dựng thuộc xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (xác định theo trích lục và đo chỉnh lý bản đồ địa chính thửa đất số 203/TLBĐ, do Công ty TNHH Khảo sát và Xây dựng 6 hoàn thành đo vẽ ngày 12/12/2016, được cơ quan kiểm tra nội nghiệp là Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 12/12/2016), phạm vi giới hạn như sau:



- Phía Bắc : Giáp khu chợ và phố chợ.
- Phía Nam : Giáp khu công nghiệp Sông Mỹ.
- Phía Đông : Giáp khu dân cư hiện hữu.
- Phía Tây : Giáp khu dân cư hiện hữu.

b) Quy mô: 15,5 ha.

c) Quy mô dân số: Khoảng 2.800 người.

d) Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/500.

2. Tính chất

Là khu dân cư được hình thành mới phục vụ cho công nhân, dân cư tại khu vực và nhà ở phục vụ tái định cư với các hạng mục: Chung cư, nhà ở riêng lẻ (liên kế), cùng với các công trình dịch vụ công cộng xã hội như: Trường mầm non, trường tiểu học, nhà văn hóa, công viên cây xanh và hệ thống hạ tầng kỹ thuật được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh, gắn kết đồng bộ với các khu vực lân cận.

3. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Căn cứ giấy phép quy hoạch số 11/GPQH ngày 30/7/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai cấp cho Công ty TNHH Bảo Giang dự án Khu nhà ở công nhân và dân cư tại xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

a) Các chỉ tiêu kỹ thuật

Stt	Chức năng sử dụng đất	Chỉ tiêu (m ² /người)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở	≥ 25	≤ 51
2	Đất công cộng	≥ 05	≥ 09
3	Đất cây xanh	≥ 3,5	≥ 07
4	Đất giao thông + hạ tầng kỹ thuật	≥ 17	≥ 34

b) Mật độ xây dựng

- Nhà ở riêng lẻ : ≤ 80%.
- Chung cư : ≤ 60%.
- Công trình công cộng : ≤ 40%.
- Khu đất cây xanh : ≤ 05%.
- Công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật : ≤ 60%.

c) Tầng cao và chiều cao xây dựng

- Nhà liên kế : 02 - 03 tầng; (≤ 15 m).
- Chung cư : ≤ 05 tầng; (≤ 25 m).
- Công trình công cộng : 02 - 03 tầng; (≤ 15 m).

d) Khoảng lùi xây dựng công trình

- Đối với công trình công cộng:

+ Khoảng lùi so với chỉ giới đường đỏ : ≥ 06 m;

+ Khoảng lùi so với ranh đất : ≥ 04 m.

- Đối với nhà liên kế:

+ Khoảng lùi so với chỉ giới đường đỏ : ≥ 03 m;

+ Khoảng lùi sau : ≥ 01 m.

- Đối với công trình nhà ở chung cư (nhà ở xã hội):

+ Khoảng lùi so với chỉ giới đường đỏ : ≥ 06 m;

+ Khoảng lùi so với ranh đất : ≥ 06 m.

- Đối với công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật, khoảng lùi:

+ Tiếp giáp các trục đường giao thông : ≥ 06 m (so với chỉ giới đường đỏ)

+ Tiếp giáp với các ranh đất còn lại : ≥ 04 m.

đ) Chỉ tiêu hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- Chỉ tiêu cấp điện : 1.500 KWh/ng/năm.

- Chỉ tiêu cấp nước : 150 lít/người/ngày đêm.

- Chỉ tiêu thoát nước : 100% cấp nước.

- Chỉ tiêu thông tin liên lạc : 01 máy/người.

- Rác thải bình quân : 1 - 1,2 kg/người/ngày.

4. Quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng

a) Quy hoạch sử dụng đất

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

Stt	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)
1	Đất ở	78.057,4	50,36	27,8
1.1	Đất ở liên kế	58.877,7		
1.2	Đất ở liên kế tái định cư	3.363,3		
1.3	Đất ở chung cư - nhà ở xã hội	15.816,4		
2	Đất công trình công cộng	13.993,9	9,03	5,0
2.1	Đất giáo dục	13.489,9		
a	Trường mầm non	6.697,7		
b	Trường tiểu học	6.792,2		
2.2	Đất nhà văn hóa	504,0		
3	Đất cây xanh	10.844,6	7,00	3,9

4	Đất giao thông - hạ tầng kỹ thuật	52.114,2	33,62	18,6
4.1	Đất giao thông	50.986,8		
4.2	Đất hạ tầng kỹ thuật	1.127,4		
	Tổng cộng	155.010,0	100,00	55,2

b) Phân khu chức năng

Dự án được phân chia các loại đất sử dụng theo các chức năng sau:

- Đất ở: với tổng diện tích: 78.057,8 m², chiếm tỷ lệ 50,36% diện tích toàn khu, gồm 3 loại hình nhà ở:

+ Nhà ở liên kế: diện tích 58.877,7 m², diện tích mỗi lô đất từ 100 m² đến 120 m², mật độ xây dựng tối đa 80%, tầng cao xây dựng tối đa 03 tầng.

+ Nhà ở liên kế tái định cư: diện tích 3.363,3 m², diện tích mỗi lô đất 100 m², mật độ xây dựng tối đa 80%, tầng cao xây dựng tối đa 03 tầng.

+ Nhà ở xã hội: Diện tích 15.816,4 m², mật độ xây dựng tối đa 60%, tầng cao xây dựng tối đa 05 tầng.

- Đất công trình dịch vụ đô thị: Tổng diện tích 13.993,9 m², chiếm tỷ lệ 9,03% diện tích toàn khu, gồm các loại hình chức năng:

+ Cụm công trình giáo dục: Bao gồm trường mầm non và trường tiểu học với tổng diện tích 13.489,9 m², mật độ xây dựng tối đa 40%, tầng cao xây dựng tối đa 03 tầng.

+ Nhà văn hóa với diện tích: 504,0 m², mật độ xây dựng tối đa 40%, tầng cao xây dựng tối đa 03 tầng.

- Đất cây xanh: với tổng diện tích 10.844,6 m², tổ chức các khu công viên - vườn hoa cho toàn khu ở, kết hợp giữa cây xanh hoa viên và sân thể thao phục vụ trong khu ở.

- Giao thông - hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống đường giao thông - hạ tầng kỹ thuật với tổng diện tích 52.114,2 m², chiếm tỷ lệ 33,62% diện tích toàn khu, trong đó diện tích dành cho giao thông là 50.986,8m², diện tích dành cho đất hạ tầng kỹ thuật là 1.127,4 m² được bố trí trong các khu cây xanh tiếp giáp với trục đường D7 và D8.

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng

- Quy hoạch san nền:

+ Khu dự án có địa hình dốc, hiện trạng có đồi thấp độ chênh cao trong nội khu từ +31,45 m (ở phía Bắc) đến +48,62 m (ở phía Tây).

+ Cao độ san nền thiết kế của dự án được khống chế bởi hệ thống cao độ tại các nút giao thông chính, các kết nối dự kiến, cao độ khống chế san nền từ +32,70 m đến + 47,70 m. Mục đích quy hoạch chiều cao là tạo độ dốc nền giúp cho việc thoát nước được dễ dàng, chống ngập úng. Việc bám theo địa hình tự

nhiên, tôn trọng các lưu vực thoát nước mặt hiện hữu là tiêu chí hàng đầu. Lấy hướng trục đường D4 (đường giao thông hiện hữu khu chợ) làm đường phân chính dự án thành 2 khu vực, cao độ khống chế được lấy bằng cao độ hiện trạng đường D4. Từ đường phân lưu vực này về hướng Tây Bắc dự án, bám theo dốc đường N6 và dốc hiện trạng, san nền thoải thoải về đường ĐT.767. Phân khu còn lại dùng D4 về phía Đông Nam dự án, bám theo hướng dốc hiện trạng san nền thoải về hướng Đông Nam nhằm tiếp cận với khu dân cư hiện hữu thuận lợi nhất.

- Quy hoạch thoát nước mưa:

+ Tôn trọng hướng thoát nước mưa hiện hữu theo tự nhiên, bên cạnh nâng cấp, cải tạo các nguồn tiếp nhận đồng thời cân đối điều tiết lượng nước mưa về các điểm tiếp nhận, nhằm tránh tình trạng ngập úng hay chảy tràn ảnh hưởng đến khu vực quanh dự án. Khu vực quy hoạch được chia thành 3 lưu vực thoát nước mưa chính bám theo hướng dốc san nền và địa hình tự nhiên khu vực như sau:

Lưu vực 1 từ trục đường D2 hướng về phía đường ĐT.767, có diện tích khoảng 14.000 m². Bố trí đường ống chính D600 trên trục đường D1 thu nước mưa đưa về mương thoát nước hiện hữu trên đường ĐT.767.

Lưu vực 2 từ trục đường N6 kết nối phía Tây khu chợ tới ranh phía Tây dự án, có diện tích khoảng 74.000 m², hướng dốc thoải từ Tây Bắc về phía Đông Nam dự án. Bố trí đường ống chính D1000 trên trục đường N6 thu gom nước đổ về mương đất hiện hữu phía Đông Nam dự án.

Lưu vực 3 khu vực phía Đông dự án, có diện tích khoảng 6.700 m², hướng dốc từ Tây sang Đông dự án. Bố trí đường ống chính D1000 nằm trên đường D7 thu nước mưa đổ về mương đất hiện hữu phía Đông dự án.

+ Nước mưa của dự án, sau khi đổ về các cửa xả, sẽ theo các mương và rạch chảy về hồ Sông Mây. Để tăng khả năng tiêu thoát nước cho các điểm tiếp nhận, cần có biện pháp nạo vét đáy và phát quang các mương đất hiện hữu, tránh gây ngập úng ảnh hưởng đến khu vực lân cận.

+ Tại các phạm vi công viên cây xanh, những vị trí nền dự án chênh cao lớn so với khu vực lân cận, các mái đào và đắp nền phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, có biện pháp trồng cỏ gia cố mái. Ngoài ra, dưới chân Taluy xây dựng hệ thống mương bê tông nắp đan thu nước tràn từ mái đắp và đào, đồng thời thay thế cho các mương nước hiện hữu khu vực nhằm tránh hiện tượng nước mưa theo mái tràn thẳng ra các khu vực lân cận.

b) Quy hoạch hệ thống giao thông

- Giao thông đối ngoại:

+ Giao thông đối ngoại chính cho dự án là đường ĐT.767.

+ Khu quy hoạch thuận tiện liên kết với đường ĐT.767 thông qua hệ thống giao thông khu chợ.

+ Ngoài ra còn có 1 tuyến đường nằm sát ranh giới khu đất, tại phía Tây và

Tây Nam khu đất, kết nối vòng với đường ĐT.767 bên ngoài.

- Giao thông nội bộ:

+ Hệ thống giao thông trong dự án thiết kế đảm bảo kế thừa kết nối giao thông khu Chợ tạo sự thuận lợi cho việc lưu thông.

+ Đường N6 (mặt cắt 1-1) lộ giới 17 m gồm lòng đường 7 m, vỉa hè hai bên 2 x 5 m.

+ Đường D6 (mặt cắt 2-2) lộ giới 16 m gồm lòng đường 8 m, vỉa hè hai bên 2 x 4 m.

- Đường D6 đoạn nối vào đường dân sinh hiện hữu (mặt cắt 2A-2A) lộ giới 14 m gồm lòng đường 8 m, vỉa hè hai bên 2 m và 4 m.

- Đường D2, D3, D7, N1, N2, N4, N5, N7, N8 (mặt cắt 3-3) lộ giới 14 m gồm lòng đường 6 m, vỉa hè hai bên 2 x 4 m.

- Đường D3, D5, N3, N8 (mặt cắt 3A-3A) lộ giới 15 m gồm lòng đường 7 m, vỉa hè hai bên 2 x 4 m.

- Đường D7, D8, N3, N10 (mặt cắt 4-4) lộ giới 13 m gồm lòng đường 6 m, vỉa hè hai bên 3 m và 4 m.

- Đường D1 (mặt cắt 4A-4A) lộ giới 12 m gồm lòng đường 6 m, vỉa hè hai bên 2 m và 4 m.

- Đường N9 (mặt cắt 4B-4B) lộ giới 13 m gồm lòng đường 7 m, vỉa hè hai bên 2 m và 4 m.

- Đường D4 là giao thông hiện hữu thuộc khu Chợ (Mặt cắt 5-5) lộ giới 22,2 m gồm lòng đường 10,5 m, vỉa hè hai bên 5,7 m và 6 m.

- Đường N6 đoạn nối vào đường dân sinh hiện hữu (mặt cắt 6-6) lộ giới 14 m gồm lòng đường 7 m, vỉa hè hai bên 3 m và 4 m.

c) Quy hoạch hệ thống cấp nước

- Nguồn nước hiện tại được lấy từ nhà máy nước Long Bình thông qua đường ống gang hiện hữu cấp nước D400 dọc Quốc lộ 1A. Về lâu dài, nguồn nước được lấy từ nhà máy nước Thiện Tân I giai đoạn 2.

- Để cung cấp nước cho dự án với nhu cầu tính toán, cần phải xây dựng mạng lưới phân phối đảm bảo tiêu thụ nước hợp lý. Tại vị trí điểm đầu nối trên tuyến ống cấp nước dọc đường ĐT.767, sử dụng ống HDPE D200 dẫn vào khu quy hoạch dọc trục đường N8. Tuyến ống cấp nước chính sử dụng ống HDPE D150 chạy bao quanh dự án.

- Mạng lưới ống nhánh sử dụng ống HDPE D50, D100 được thiết kế hoàn thiện, đảm bảo cấp nước đến từng hộ dân và đơn vị dùng nước đồng thời định hướng đầu nối với hệ thống cấp nước của các khu vực lân cận.

- Mạng lưới đường ống sẽ được bố trí theo dạng mạch vòng, để đảm bảo nước cấp không bị gián đoạn khi có sự cố xảy ra.

- Trên các tuyến ống có bố trí các trụ cứu hỏa với khoảng cách trung bình không vượt quá 150 m/trụ, vị trí trụ đặt cách mép đường không quá 2,5 m để thuận tiện cho việc lấy nước chữa cháy. Lưu lượng nước chữa cháy: $1 \times 15l/s \times 3 \times 3600 = 162 m^3$.

- Tổng nhu cầu cấp nước cho toàn dự án: $924 m^3/ngày$.

d) Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

+ Toàn bộ nước thải từ các công trình được xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại trước khi xả ra hệ thống cống thoát nước thải tập trung đưa về hệ thống xử lý nước thải chung của dự án.

+ Tổng công suất trạm xử lý nước thải vào khoảng $525 m^3/ngày đêm$.

+ Vị trí hệ thống xử lý nước thải đặt ở khu cây xanh phía Đông của dự án nơi cuối hướng gió chủ đạo để tránh mùi cho dự án.

+ Hệ thống thoát nước thải được bố trí riêng biệt hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa. Toàn bộ nước thải được thu gom bằng hệ thống cống bê tông cốt thép D300-D400, tuyến cống chính được bố trí trên đường D7, dẫn nước thải về trạm xử lý tập trung.

+ Yêu cầu chung về môi trường của hệ thống xử lý nước thải tuân thủ theo đúng TCVN 7222: 2002. Hệ thống xử lý nước thải áp dụng công nghệ xử lý tiên tiến tránh gây ô nhiễm môi trường. Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn Việt Nam QCVN 14:2008/BTNMT, cột A (theo phân vùng tiếp nhận quy định tại Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai) trước khi đổ ra mương rạch và theo địa hình dẫn ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là hồ Sông Mây.

- Vệ sinh môi trường: Tổng khối lượng chất thải rắn phát sinh trong khu quy hoạch dự kiến 3,2 tấn/ngày, với tiêu chuẩn là 1,0 kg/người, rác ở đây được thu gom trực tiếp tại từng lô nhà, sau đó đưa đi bãi xử lý rác tập trung của huyện tại xã Vĩnh Tân, việc thu gom sẽ do Công ty dịch vụ Môi trường thu gom hàng ngày.

đ) Quy hoạch hệ thống cấp điện

- Nguồn cung cấp điện cho khu quy hoạch được cấp từ tuyến đường dây 22 kV hiện hữu chạy dọc theo tỉnh lộ ĐT.767 xuất phát từ trạm 110/22 kV Sông Mây.

- Tổng công suất cấp điện cho dự án: 2.988 kW

- Tuyến trung thế vào dự án được đầu nối từ đường dây trung thế 22 kV nằm dọc trên đường ĐT. 767. Tuyến cáp trung thế cho khu quy hoạch sử dụng cáp ngầm, cáp trung thế sẽ là loại cáp nhiều lõi 24 kV XLPE -3M240 mm² với giáp mạ kẽm và lớp PVC bảo vệ ngoài.

- Từ các trạm hạ thế có các phát tuyến 0,4 kV đưa điện đến tủ điện phân phối của từng hạng mục công trình và từ tủ phân phối điện này sẽ có tuyến cáp cấp điện đến từng hộ trong khu quy hoạch. Các tuyến này dự kiến dùng cáp đồng bọc

cách điện PVC, có băng thép và vỏ PVC bảo vệ (cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC) chôn trực tiếp trong đất.

- Nguồn cấp cho các tuyến chiếu sáng đèn đường trong khu quy hoạch từ trạm biến áp gần nhất.

- Tuyến cáp trung thế, hạ thế, chiếu sáng đi ngầm trong mương cáp.

e) Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

- Nguồn thông tin được ghép nối vào mạng viễn thông của Bưu điện Hồ Nai

3.

- Tổng số thuê bao dự kiến: 1637 thuê bao

- Để chuẩn bị sẵn cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho việc đưa cáp trực chính đến các khu vực thuê bao và đảm bảo mỹ quan, một hệ thống ống chờ kéo cáp (đường ống nhựa chờ kéo cáp + bể cáp) được xây dựng hoàn chỉnh đồng bộ cùng với hệ thống hạ tầng khác. Bố trí diện tích đất 50m² tại khu vực công viên cây xanh phía Đông Nam dự án để xây dựng trạm thu phát sóng di động BTS (tọa độ VN2000: X= 1213619.21, Y=413608.11) cung cấp thông tin di động cho dự án.

6. Quy định quản lý

Ban hành quy định quản lý kèm theo đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở công nhân và dân cư tại xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom.

Điều 2. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Công ty TNHH Bảo Giang có trách nhiệm thực hiện:

1. Phối hợp cùng UBND huyện Trảng Bom, UBND xã Bắc Sơn thực hiện công bố công khai cho nhân dân và các đơn vị kinh tế xã hội có liên quan trên địa bàn về nội dung quy hoạch, cùng nghiêm chỉnh thực hiện theo quy hoạch đã phê duyệt.

2. Tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt hồ sơ nhiệm vụ cấm mốc giới theo quy định. Phối hợp với UBND huyện Trảng Bom, UBND xã Bắc Sơn tổ chức triển khai cắm các mốc lộ giới theo nội dung quy hoạch ra thực địa, quản lý xây dựng theo đúng nội dung hồ sơ đã được duyệt. Hồ sơ cấm mốc giới trước khi phê duyệt phải được Sở Xây dựng chấp thuận đảm bảo tuân thủ đúng quy hoạch chi tiết được duyệt và phù hợp với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào.

3. Căn cứ vào quy hoạch được duyệt, chủ đầu tư thực hiện lập các thủ tục tiếp theo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức thi công các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch, việc đầu tư xây dựng các hạng mục theo quy định hiện hành.

4. Trong quá trình lập dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật cần liên hệ với các chuyên ngành: Giao thông, cấp nước, cấp điện, bưu chính viễn

thông, công an phòng cháy chữa cháy,... để xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp với hệ thống đấu nối hạ tầng chung tại khu vực.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho nội dung phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở công nhân và dân cư tại xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom tại Quyết định số 2408/QĐ-UBND ngày 20/8/2009 của UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Công an tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND huyện Trảng Bom, Chủ tịch UBND xã Bắc Sơn; Giám đốc Công ty TNHH Bảo Giang; Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng (CNN);
- Lưu: VT, CNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Vĩnh